

NĂNG LỰC CHỦ CHỐT TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

TS. PHAN THỊ LUYẾN

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Phổ thông

1. Năng lực chủ chốt

Dự án DESECO (Definition and Selection of Competencies – Xác định và lựa chọn các năng lực) đã nghiên cứu về khái niệm và lựa chọn các năng lực (NL) chủ chốt. Mục tiêu chính của DESECO là phát triển và đưa ra nền tảng lí thuyết cho việc xác định một tập hợp toàn diện NL chủ chốt có liên quan cho các cá nhân, xã hội và tổ chức kinh tế. Cùng với DESECO, các tổ chức đánh giá hiện nay như ALL (International Adult Literacy and Life Skills Survey- Khảo sát quốc tế về học vấn người lớn và kĩ năng sống) và PISA (Programme for International Student Assessment – Chương trình Đánh giá học sinh quốc tế) đã cung cấp các bằng chứng để chứng tỏ rằng việc đầu tư vào NL chủ chốt là rất đáng giá, đó cũng là một phương tiện để tăng cường kinh tế và phát triển xã hội.

Các nghiên cứu thực hiện trong phạm vi DESECO đã cho rằng các NL chủ chốt:

- là công cụ cho các nhu cầu phức tạp trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống;
- góp phần quan trọng trong kết quả cao ở cấp độ cá nhân và xã hội về một cuộc sống thành công;
- quan trọng đối với tất cả các cá nhân để đối phó thành công với những thách thức phức tạp trong nhiều lĩnh vực.

Chương trình giáo dục *Bang New South Wales (Úc)* thì cho rằng: NL chủ chốt là NL chung cần thiết cho sự tham gia có hiệu quả trong hiện tại và phát triển học tập cho giáo dục, công việc và cuộc sống trong tương lai nói chung.

Kết luận và khuyến nghị của DESECO đã được công bố trong báo cáo cuối cùng mang tên “Những năng lực chủ chốt cho một cuộc sống thành công và một xã hội tốt” (Rychen và Salganik, biên soạn năm 2003). Năng lực chủ chốt cho người lớn dự kiến sẽ là: linh hoạt, có khả năng thích ứng, đổi mới, sáng tạo, năng động, tự hướng dẫn, tự phát triển và tự chịu trách nhiệm về quyết định của họ.

2. NL chủ chốt trong chương trình giáo dục phổ thông một số nước

2.1. NL chủ chốt cho HS phổ thông Québec (Canada)

Chương trình Giáo dục Québec đề ra chín NL, các NL đó được nhóm lại trong bốn loại:

- **NL trí tuệ:** *Sử dụng thông tin, giải quyết vấn đề; lập luận có phê phán; sử dụng tư duy sáng tạo*

- **NL phương pháp:** *sử dụng phương pháp làm việc hiệu quả; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông*

- **NL cá nhân và xã hội:** *phát huy tiềm năng của cá nhân; hợp tác với người khác*

- **NL liên quan đến giao tiếp:** *Giao tiếp một cách thích hợp.*

Các NL đó còn được giải thích rõ hơn trong văn bản chương trình:

NL 1. Sử dụng thông tin: Nhận biết các nguồn thông tin khác nhau; biết được nơi để tìm kiếm thông tin (sách, internet, thư viện, phòng học, tạp chí, giáo viên,...); thu thập thông tin; sử dụng biểu đồ; đưa ra thông tin để sử dụng; có thể viết / nói về các vấn đề đã học được; có thể đặt câu hỏi về những điều mới.

NL 2. Giải quyết vấn đề: Phân tích vấn đề; biết vấn đề là gì; có thể nói về vấn đề; suy nghĩ về các giải pháp; nghĩ/nói về giải pháp; thử nghiệm các giải pháp; lựa chọn giải pháp; cố gắng tìm giải pháp; áp dụng phương pháp tiếp cận linh hoạt; cố gắng tìm các giải pháp khác nhau; đánh giá các thủ tục đã sử dụng; biết những gì đã làm, những gì chưa làm và đưa ra giải thích.

NL 3. Lập luận có phê phán: Hình thành ý kiến; biết những gì được hỏi; có thể chọn câu trả lời cho câu hỏi; thể hiện lập luận của mình; có thể giải thích ý kiến của mình; có thể giải thích tại sao ý kiến của mình là tốt nhất; hội đủ điều kiện để thực hiện quyết định của mình; hiểu rằng những người khác nhau có thể có ý kiến khác nhau.

NL 4. Sử dụng tư duy sáng tạo: Biết cần làm gì; hình dung cách thức tiến hành; nghĩ (tưởng tượng) về những gì phải làm; luôn cố gắng tìm giải pháp.

NL 5. Sử dụng phương pháp làm việc hiệu quả: Phân tích các nhiệm vụ; biết được những gì đã làm; nghĩ về cách tốt nhất để làm; sử dụng những ý tưởng của mình; thực hiện nhiệm vụ; sử dụng thời gian và vật liệu một cách tốt nhất; hoàn thành dự án; phân tích các bước làm việc của mình; biết được những gì



sẽ tốt cho công việc mình làm.

NL 6. Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT): Nắm vững công nghệ thông tin và truyền thông; có những thông tin cơ bản về máy tính; có thể khám phá phần mềm mới; sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ; biết phần mềm để sử dụng cho nhiệm vụ; biết cách khác nhau để nhận sự giúp đỡ khi bị mắc kẹt; biết được những gì có thể dễ dàng làm trên máy tính.

NL 7. Phát huy tiềm năng của cá nhân: Cởi mở với người xung quanh; nhận ra cảm xúc; công nhận cảm xúc của người khác; nhận thức vị trí của mình; có lựa chọn riêng của mình; có niềm tin vào bản thân; biết bản thân là một phần của nhóm; tận dụng tốt nguồn lực cá nhân của mình; làm tốt việc của bản thân.

NL 8. Hợp tác với người khác: Tương tác với một tinh thần cởi mở; lắng nghe người khác; tôn trọng ý tưởng của người khác; sử dụng đội ngũ làm việc hiệu quả; làm việc tốt với một đối tác; trở nên hữu ích cho người khác; đóng góp vào nỗ lực của nhóm; chia sẻ trong công việc; hợp tác với tất cả các bạn cùng lớp.

NL 9. Giao tiếp một cách thích hợp: Thiết lập mục đích giao tiếp; biết khi nào cần nói chuyện; biết khi nào phải chờ đợi; chọn chế độ giao tiếp; biểu thị mong muốn phát biểu và chờ đợi đến lượt nói; sử dụng ngôn ngữ cơ thể thích hợp, đúng cách để giao tiếp; thực hiện việc giao tiếp; nói rõ ràng với ngữ điệu "vừa phải"; sử dụng tốt từ ngữ.

2.2. NL chủ chốt cho HS phổ thông Hàn Quốc

Chương trình GD Hàn Quốc mong muốn tạo ra người có:

- **Tinh hợp tác:** Có trái tim nồng nhiệt, có sự nhạy cảm đạo đức, có ý thức cộng đồng mạnh mẽ, có kế hoạch hành động dựa trên niềm tin vững chắc rằng con người chỉ có thể tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống khi duy trì quan hệ tốt đẹp với người khác và với môi trường.

- **Tinh sáng tạo:** Là người cách tân và theo kịp những tiến bộ nhanh chóng về công nghệ, thông tin, kiến thức; với nỗ lực của mình. Họ quyết tâm sử dụng thành tựu ấy để nâng cao chất lượng cuộc sống trong mối quan hệ hài hoà với môi trường.

- **Đầu óc cởi mở:** Người nhận rõ không gian sinh tồn của mình không chỉ giới hạn ở nơi cư trú và đất nước mình mà trên thực tế là toàn bộ thế giới, có thể sống hòa đồng với các nhóm chủng tộc khác.

- **Hướng tới công việc:** Người có tính độc lập, hữu dụng, có đạo đức trong công việc; coi mọi công việc đều đáng trọng, không kể cao sang hay thấp hèn.

2.3. NL chủ chốt cho HS phổ thông New Zealand

Chương trình GD New Zealand chỉ ra năm NL chủ chốt là: *tư duy; sử dụng ngôn ngữ, kí hiệu và văn bản; tự quản lí; liên quan đến những người khác; tham gia và đóng góp.* Văn bản chương trình New Zealand cũng đã cụ thể các NL đó:

NL 1. Tư duy: Là quá trình kết hợp sáng tạo giữa thông tin, kinh nghiệm và ý tưởng. Các quá trình này có thể áp dụng cho các mục đích như phát triển sự hiểu biết, quyết định, hình thành hành động hoặc xây dựng kiến thức. Sở hữu trí tò mò là trung tâm của khả năng này. HS có NL giải quyết vấn đề là người chủ động tìm kiếm, sử dụng và tạo ra kiến thức. Họ phản ánh về việc học của mình, rút ra kiến thức cá nhân và trực giác, đặt câu hỏi, thách thức các giả định và nhận thức.

NL 2. Sử dụng ngôn ngữ, kí hiệu và văn bản: HS có NL sử dụng ngôn ngữ, biểu tượng và văn bản là những người có thể hiểu và sử dụng các từ, số, hình ảnh, chuyển động và công nghệ trong nhiều ngữ cảnh. Họ nhận ra cách lựa chọn ngôn ngữ, kí hiệu hoặc văn bản ảnh hưởng đến sự hiểu biết của con người và những cách mà họ trả lời các vấn đề. Họ tự tin sử dụng công nghệ thông tin (khi thích hợp có thể bao gồm cả công nghệ trợ giúp) để truy cập và cung cấp thông tin và giao tiếp với người khác.

NL 3. Tự quản lí: HS tự quản lí là người mạnh dạn, tháo vát, đáng tin cậy và mềm dẻo. Họ thiết lập mục tiêu cá nhân, lập kế hoạch, quản lí công việc và đặt tiêu chuẩn cao. Họ có chiến lược cho những thách thức, biết khi nào hướng dẫn, khi nào làm theo, khi nào và làm thế nào để hoạt động độc lập. NL này là liên kết với động cơ tự lực, nhờ đó HS thấy mình là người học có khả năng. NL này không thể thiếu để HS tự đánh giá.

NL 4. Liên quan đến những người khác: Tương tác hiệu quả với người khác trong một loạt các ngữ cảnh. NL này bao gồm khả năng lắng nghe tích cực, thương lượng và chia sẻ ý tưởng, biết khi nào cần cạnh tranh và khi nào sẽ thích hợp để hợp tác. Bằng cách làm việc hiệu quả với nhau, họ sẽ trưởng thành, có thể tiếp cận ý tưởng và cách tư duy mới.

NL 5. Tham gia và đóng góp: NL này thể hiện việc tích cực tham gia vào cộng đồng. Cộng đồng bao gồm gia đình, trường học và những người dựa trên một lợi ích hay văn hoá chung. NL này bao gồm NL đóng góp một cách thích hợp như là một thành viên của nhóm, thực hiện các kết nối với người khác và tạo cơ hội cho những người khác trong nhóm. Những HS tham gia và đóng góp trong cộng đồng sẽ có cảm giác thân thuộc và tự tin để tham gia trong bối cảnh mới. Họ hiểu tầm quan trọng của quyền, vai trò, trách nhiệm và đóng góp cho sự chất lượng

và tính bền vững của môi trường xã hội, văn hóa, thể chất, kinh tế.

2.4. NL chủ chốt cho HS phổ thông Bang Illinois (Mĩ)

NL cần đạt của HS phổ thông Bang Illinois gồm:

- *Giao tiếp hiệu quả bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết:* HS có khả năng viết một cách rõ ràng và thuyết phục, đồng thời chứng minh được mình có khả năng thu thập thông tin tin cậy làm cơ sở cho các luận điểm khi trình bày.

- *Biết đọc và viết hiệu quả:* HS không những có khả năng đọc và hiểu toàn diện mà còn phải có khả năng nắm bắt và phê phán ý tưởng của người khác.

- *Tư duy phê phán và logic:* HS biết cách phân biệt sự khác nhau giữa quan điểm chủ quan của một cá nhân và những ý kiến khách quan nhằm đưa ra chính kiến của bản thân trước một vấn đề nào đó.

- *Biết phân tích định tính, định lượng và kĩ năng bậc cao về máy tính;*

- *Tư duy linh hoạt và cởi mở, hiểu biết đầy đủ về văn hoá;*

- *Biết tôn trọng các giá trị đạo đức ;*
- *Hiểu biết đầy đủ về các phương pháp khoa học;*
- *Hiểu biết sâu sắc về kiến thức môn học.*

2.5. NL chủ chốt cho HS phổ thông Úc

Chương trình quốc gia Úc đã đề ra mười NL chủ chốt là: *đọc hiểu; làm toán; kĩ thuật thông tin và truyền thông; những kĩ năng tư duy; hành vi liên quan đến đạo đức; sáng tạo; tự quản; làm việc nhóm; cảm thông các nền văn hoá khác; NL xã hội.*

Các NL đó được nêu rõ hơn trong văn bản chương trình:

• *NL đọc hiểu và NL làm toán:* những kiến thức, kĩ năng và hiểu biết cần phải được sử dụng và phát triển trong mọi lĩnh vực học tập.

• *Thông tin và công nghệ truyền thông (ICT):* sử dụng các công nghệ; đánh giá độ tin cậy, tính chính xác và hợp lệ của các nguồn thông tin.

• *Kĩ năng tư duy để cập đến một loạt cách áp dụng các hoạt động trí tuệ có liên quan đến sử dụng thông tin để đạt được kết quả.* Chúng bao gồm các yếu tố như giải quyết vấn đề, đưa ra quyết định, tư duy phê phán. Kĩ năng tư duy là cốt lõi nhất của hoạt động trí tuệ.

• *Tự quản lí:* bao gồm quản lí; theo dõi, phản ánh và đánh giá việc học tập của bản thân; lập kế hoạch và thực hiện công việc độc lập; chịu trách nhiệm về hành vi của mình; học hỏi từ thành công và thất bại, khởi xướng và quản lí các mối quan hệ cá nhân; tự ý thức và có thể giải thích các quyết định của chính mình.

• *Sự hiểu biết các nền văn hoá:* đánh giá vị trí các

nền văn hóa; tôn trọng sự đa văn hóa của Úc ; đánh giá sự khác biệt và đa dạng.

• *Hành vi liên quan đến đạo đức* bao gồm sự sẵn lòng, quyết tâm và khả năng suy nghĩ, đưa ra những đánh giá và hành xử độc lập; có ham muốn và NL để làm việc vì lợi ích chung.

• *NL xã hội* bao gồm làm việc hài hòa với những người khác, góp phần hướng tới mục tiêu chung, xác định và chấp nhận vai trò, trách nhiệm của cá nhân và nhóm; tôn trọng cá nhân và nhóm, xác định những điểm mạnh của các thành viên trong nhóm, xây dựng mối quan hệ xã hội.

2.6. Năng lực chủ chốt cho HS phổ thông Singapore

CTGD Singapore mong muốn tạo ra những người có ý thức tự nhận thức, có đạo đức, có kiến thức và kĩ năng cần thiết để đối mặt với những thách thức của tương lai, chịu trách nhiệm với cộng đồng, gia đình và đất nước. HS đánh giá cao vẻ đẹp của thế giới xung quanh, sở hữu một tâm hồn và cơ thể lành mạnh, có niềm say mê cuộc sống. Tóm lại, đó là người:

- *tự tin:* có ý thức đúng sai rõ ràng, có khả năng thích ứng và linh hoạt, biết tự chịu trách nhiệm, sáng suốt trong phán đoán, suy nghĩ độc lập và phê phán, giao tiếp hiệu quả;

- *tự định hướng:* chịu trách nhiệm về việc học của mình, đưa ra câu hỏi thách thức, phản ánh và kiên trì trong học tập;

- *tích cực đóng góp:* có khả năng làm việc hiệu quả trong các nhóm, chủ động làm việc, tính toán cả đến những rủi ro, luôn phấn đấu và sáng tạo hướng đến sự xuất sắc;

- *công dân có trách nhiệm* là người gắn bó với đất nước Singapore, có ý thức công dân mạnh mẽ, ham hiểu biết, có vai trò tích cực trong việc cải thiện cuộc sống của những người xung quanh.

2.7. Yêu cầu về NL trong chương trình phổ thông Việt Nam

Trong quá trình triển khai đổi mới chương trình giáo dục những năm đầu thế kỉ XXI, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản định hướng. Trong các văn bản đó cũng có những văn bản đề cập tới yêu cầu về hình thành một số NL.

Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII về giáo dục và đào tạo đã xác định: "Hết sức coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nhân cách, khả năng tư duy sáng tạo và *NL thực hành.*"

Hội nghị 6 khoá IX về phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo đến năm 2010 đã khẳng định: "Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, tăng cường

giáo dục tư duy sáng tạo, *NL tự học, tự tu dưỡng, tự tạo việc làm*".

Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 có nêu: "... Xây dựng thái độ học tập đúng đắn, phương pháp học tập chủ động, tích cực, sáng tạo; lòng ham học, ham hiểu biết, *NL tự học, NL vận dụng kiến thức vào cuộc sống*".

Điều 2 Luật Giáo dục năm 2005 cũng đã nêu: "..., hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và *NL của công dân*, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Trong yêu cầu về phương pháp giáo dục, Điều 5 Luật Giáo dục cũng đã chỉ ra: "..., bồi dưỡng cho người học *NL tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên*".

Trong mục tiêu giáo dục cấp THPT đã đề cập đến việc "... có điều kiện lựa chọn hướng phát triển và *phát huy NL cá nhân*".

Điều đó cho thấy quan điểm giáo dục phải hướng tới việc hình thành NL người học đã được quan tâm và thể hiện. Tuy nhiên, cách phát biểu không hoàn toàn như nhau và còn chung chung như: *NL của cá nhân, NL của công dân, NL vận dụng kiến thức vào cuộc sống, NL tư duy*. Dù có đề cập tới các NL trong chương trình nhưng chương trình của ta chưa thực sự chú ý đến việc rèn luyện NL. Các đánh giá về giáo dục phổ thông cũng chỉ nêu chung chung về mức độ đạt được của kiến thức, kỹ năng và thái độ. Thực chất những nhân tố cấu thành *NL tự học, NL thực hành* cũng không được đề cập đến một cách sâu sắc trong các đánh giá này. Điều đó cho thấy, mặc dù các văn bản chỉ đạo yêu cầu giáo dục phải hướng tới việc hình thành NL thực hành, NL tự học, NL sáng tạo, ... song cũng chưa có nghiên cứu nào đề cập và làm rõ nội hàm cũng như những NL cần được hình thành ở người HS. Vì vậy khi đánh giá, khó có thể soi vào mục tiêu với những tầng bậc cần được thể hiện chi tiết để thấy được rõ hơn kết quả mà giáo dục đã đạt được.

3. Kết luận về năng lực của CTGD

Mặc dù năng lực chủ chốt trong CTGD một số nước được đề cập ở trên có những điểm khác nhau, nhưng các CTGD tập trung vào ba nhóm năng lực:

Hành động một cách tự chủ, sáng tạo

- Có khả năng bảo vệ và khẳng định quyền, lợi ích, trách nhiệm, nhu cầu cá nhân và những giới hạn cho phép;
- Có khả năng xây dựng và thực hiện kế hoạch cá nhân và các dự án;
- Có khả năng hành động hiệu quả trong điều kiện, hoàn cảnh thay đổi.

Sử dụng công cụ một cách thông minh

- Có khả năng sử dụng ngôn ngữ, biểu tượng

và các văn bản một cách tích cực;

- Có khả năng kiểm soát kiến thức và thông tin;
- Có khả năng sử dụng công nghệ mới một cách phù hợp.

Tương tác hoà đồng với nhiều nhóm xã hội

- Có khả năng thiết lập quan hệ với người khác;
- Có khả năng hợp tác;
- Có khả năng điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn.

Mỗi nhóm năng lực sẽ tập trung vào những thuộc tính cụ thể. Nhóm NL "*Hành động một cách tự chủ, sáng tạo*" tập trung hình thành bản sắc cá nhân và tính tự chủ. Nhóm NL "*Sử dụng công cụ một cách thông minh*" nhằm tạo ra sự tích cực và sáng tạo thông qua việc sử dụng những công cụ vật chất và xã hội nhất định. Nhóm "*Tương tác hoà đồng với nhiều nhóm xã hội*" nhấn mạnh đến khả năng thiết lập quan hệ qua lại với người khác (trong cùng một nhóm hoặc với các nhóm khác).

Trong quá trình chuẩn bị chương trình cho giai đoạn tới, cần có các nghiên cứu kỹ hơn về năng lực, tham khảo việc xây dựng các NL chủ chốt của các nước. Các năng lực cần được xây dựng trên cơ sở vận dụng linh hoạt kinh nghiệm chương trình các nước, dựa trên các yêu cầu của mục tiêu GD. Năng lực cụ thể của mỗi nhóm sẽ được lựa chọn và kết hợp với nhau theo một logic nhất định nhằm thực hiện các mục tiêu GD, đáp ứng yêu cầu của xã hội và tiếp cận với xu hướng của thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT, *Chương trình giáo dục phổ thông* (2006), NXB Giáo dục.
2. *Luật GD Việt Nam năm 2005*, NXB Chính trị Quốc gia, 2005
3. Chương trình các nước New Zealand, New Jersey (Mỹ), Úc, Hàn Quốc, Singapore, Quebec (Canada).
4. Một số trang web về chương trình: <http://nzcurriculum.tki.org.nz>; <http://www.qcda.gov.uk/curriculum>; <http://www.moe.gov.sg>; <http://www.curriculum.edu.au>

SUMMARY

The article discusses areas of key competences in curriculum of general education and introduces key competences which are focused for high-school students in selected countries. Finally, the author analyzes competence requirements in Vietnam education curriculum so as to meet society's demands and match international trends.